

Số: 66/2018/QĐST-HNGĐ

Yên Mô, ngày 26 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 46/2018 /TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Phạm Như B**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

* Bị đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phạm Như B và chị Phạm Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Phạm Như B và chị Phạm Thị T xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 04/4/2007; cháu Phạm Mai L, sinh ngày 14/5/2011 và cháu Phạm Hồng V, sinh ngày 24/12/2012 và thống nhất thỏa thuận khi ly hôn chị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả ba con chung, anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị T với mức 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng) một tháng cho một cháu (Tổng cả ba cháu là

3.000.000đ/tháng) kể từ tháng 10/2018 cho đến khi các cháu H, L, V trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 đến 20 hàng tháng.

Anh B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu H, L, V được chung sống với chị T. Anh B được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị T có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh B không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: Anh Phạm Như B và chị Phạm Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Anh Phạm Như B và chị Phạm Thị T thống nhất thỏa thuận để anh B nộp toàn bộ án phí ly hôn theo qui định. Số tiền phải nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Như B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng nên anh Bình phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định. Số tiền phải nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

Tổng số tiền án phí anh Bình phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0002027 ngày 18/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện Yên Mô;
- THADS huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

